

Bản án số: 34/2018/HSST

Ngày : 28/3/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

-Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa* : Ông HOÀNG TRÌNH

+ *Các Hội thẩm nhân dân*:

1/. Ông VÀNG HUY LẬP

2/. Bà ĐỖ THỊ THU HƯƠNG

- **Thư ký phiên tòa**: Ông NGUYỄN VĂN ĐỒNG - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, Lâm Đồng tham gia phiên tòa**: Ông TRẦN MINH TIẾN - Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 28 tháng 3 năm 2018. tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đ, Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 36/2018/HSST ngày 07 tháng 3 năm 2018; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/QĐ-HSST ngày 13 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **BÙI THỊ THU H**. Sinh ngày 23 tháng 8 năm 1976. Nơi sinh: Lâm Đồng. Nơi ĐKNKTT: 82 - Tổ 11, T, Phường 12, thành phố Đ, Lâm Đồng. Chỗ ở: 82 - Tổ 11, Thái , Phường 12, thành phố Đ, Lâm Đồng. Nghề nghiệp: Làm vườn. Trình độ học vấn: Lớp 7/12. Con ông: Bùi Minh Á (chết); Con bà: Phạm Thị H, sinh năm 1953. Hiện ở tại: 16 - H, Phường 9, thành phố Đ, Lâm Đồng. Chồng: Nguyễn Đình H, sinh năm 1978, có 02 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2007. Hiện ở tại: 82 - Tổ 11, T, Phường 12, thành phố Đ, Lâm Đồng. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

Người bị hại: Anh Cao Tiến N, sinh năm 1991. Hộ khẩu thường trú tại: 67 - Y, phường T, thành phố B, Đắk Lắk. Chỗ ở: 28 - Đ, Phường 4, thành phố Đ, Lâm Đồng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 03/12/2017, Bùi Thị Thu H cùng hai con là Nguyễn Đình V và Nguyễn Thị Thu V đến quây bán quần áo tại số 2B307 - Chợ Đ Center, Phường 1, thành phố Đ, Lâm Đồng để mua quần áo. Sau khi lựa được một áo khoác nỉ màu đen với giá 450.000 đồng, Bùi Thị Thu H ra thanh toán tiền thì nhìn thấy bên trong quầy hàng có một áo khoác đang treo trên ghế, trong túi áo khoác thò ra một cọc tiền và phía dưới sàn nhà chỗ treo áo khoác cũng có một cọc tiền nên Bùi Thị Thu H nảy sinh ý định trộm cắp số tiền nói trên để tiêu xài cá nhân. Thực hiện ý định, Hà đi đến chỗ để áo khoác dùng tay nhặt số tiền rơi trên sàn nhà và tiếp tục thò tay vào túi áo khoác lấy tiếp số tiền để trong túi áo, bỏ vào túi áo khoác của mình rồi ra dẫn hai con về nhà tại 82 - Tổ 11, T, Phường 12, thành phố Đ, Lâm Đồng. Đến 15 giờ 30 cùng ngày, Công an thành phố Đ gọi Bùi Thị Thu H lên làm việc. Tại Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, Bùi Thị Thu H đã khai nhận hành vi của mình, giao nộp lại số tiền 12.400.000 đồng đã

lấy. Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Cao Tiến N số tiền trên, anh N đã nhận lại đủ tiền và không có yêu cầu gì thêm, đồng thời làm đơn xin bãi nại cho bị cáo.

Tại Cáo trạng số 39/CT-VKS ngày 02/3/2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ truy tố Bùi Thị Thu H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, bị cáo Bùi Thị Thu H khai nhận vào chiều ngày 03/12/2017 trong khi mua quần áo tại Chợ Đ, thành phố Đ, Lâm Đồng bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của anh Cao Tiến N số tiền 12.400.000 đồng tiền mặt với mục đích để tiêu xài cá nhân với các hành vi cụ thể như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu là đúng, bị cáo không thắc mắc hay khiếu nại gì về nội dung bản Cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, Lâm Đồng giữ quyền công tố luận tội và tranh luận như sau: Tại phiên tòa bị cáo Bùi Thị Thu H đã khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và phù hợp với lời khai của người bị hại, không có nội dung gì thay đổi, hành vi của bị cáo có đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Do đó Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị áp dụng khoản 1 điều 173; điểm I, s khoản 1, khoản 2 điều 51 và điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Bùi Thị Thu H từ 09 đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo. Phần bồi thường: Quá trình điều tra bị cáo đã bồi thường cho người bị hại 12.400.000 đồng, tại phiên tòa người bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét để giải quyết phân trách nhiệm dân sự đối với bị cáo. Về vật chứng của vụ án, Cơ quan điều tra đã xử lý, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo qui định của pháp luật. Bị cáo không có tranh luận gì với Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố và chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng:

Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an thành phố Đ, Lâm Đồng và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, Lâm Đồng và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục qui định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại nào về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được tiến hành hợp pháp.

Về hành vi phạm tội của bị cáo Bùi Thị Thu H:

Bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ nhận thức, bị cáo biết rất rõ việc lợi dụng người bị hại đang lo bán hàng, không để ý bị cáo đã lén lút móc túi người bị hại chiếm đoạt tài sản là hành vi trái pháp luật, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo chiếm đoạt 12.400.000 đồng với mục đích để sử dụng cho nhu cầu cá nhân là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trái pháp luật đến quyền sở hữu tài sản của người khác và gây mất trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra vụ án. Có đủ căn cứ kết luận bị cáo Bùi Thị Thu H đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Hành vi của bị cáo thực hiện trước ngày Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực thi hành, căn cứ khoản 1 điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, lẽ ra phải áp dụng điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 đối với bị cáo nhưng do Bộ luật hình sự năm 2015 qui định mức hình phạt ở khung cao nhất của điều 173 chỉ 20 năm tù, trong khi điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 qui định mức hình phạt ở khung cao nhất đến Tù chung thân nên điều luật áp dụng để xét xử bị cáo theo qui định tại khoản 3 điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 là điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 như kết luận của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về tình tiết định khung hình phạt:

Xét hành vi của bị cáo không vi phạm vào các tình tiết định khung tăng nặng nào tại điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 cũng như điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 nên bị cáo chỉ bị xét xử theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Hành vi của bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, ngay sau khi bị phát hiện bị cáo đã nộp lại tài sản chiếm đoạt để bồi thường cho người bị hại, sau khi bị phát hiện, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo và được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự qui định tại các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có việc làm ổn định và có nơi cư trú rõ ràng, chưa cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà có thể cho bị cáo được tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát, giáo dục của Chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú cùng gia đình theo qui định tại điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 cũng có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra bị cáo đã giao nộp lại để trả cho anh Cao Tiến N 12.400.000 đồng. Tại phiên tòa người bị hại không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không xem xét để giải quyết tiếp.

Về xử lý vật chứng:

Các loại vật chứng đã thu giữ trong quá trình điều tra vụ án gồm có: 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius biển kiểm soát 49N2-9806, là xe của anh Nguyễn Đình H (chồng của bị cáo), việc bị cáo sử dụng xe đi thực hiện tội phạm anh H không biết, quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã có quyết định xử lý vật chứng, trả xe lại cho anh H và số tiền 12.400.000 đồng là tiền bị cáo chiếm đoạt của anh Cao Tiến N, quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã có quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho anh N nên không xem xét để xử lý tiếp.

Về án phí:

Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo qui định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] . Tuyên bố bị cáo Bùi Thị Thu H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

[2] . Áp dụng khoản 3 điều 7; khoản 1 điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 và điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Bùi Thị Thu H 09 (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Bùi Thị Thu H cho Ủy ban nhân dân Phường 12, thành phố Đ, Lâm Đồng để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng Chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo có sự thay đổi nơi cư trú thì việc thi hành án sẽ được thực hiện theo qui định tại điều 69 Luật thi hành án hình sự.

[3] . Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về lệ phí, án phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[4]. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo và người bị hại có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- Sở tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND thành phố Đ;
- Công an thành phố Đ;
- Thi hành án thành phố Đ;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Bộ phận theo dõi THA phạt tù;
- Lưu.

Hoàng Trình